

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**



# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-36

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### 1. Thông tin chung về công ty:

Công ty Cổ phần Khách sạn Quê Hương Liberty là công ty cổ phần được chuyển thể từ Doanh nghiệp nhà nước - Khách sạn Quê Hương - trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 3621/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 07 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002630 ngày 03 tháng 09 năm 2004, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2006 Công ty Cổ phần Khách sạn Quê Hương Liberty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 số 4103002630 ngày 18 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 số 0303462927 ngày 22 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Hoạt động chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở và nhà làm việc.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: các dịch vụ vui chơi, giải trí, kinh doanh karaoke (không kinh doanh karaoke tại trụ sở)
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia  
Chi tiết: chế biến bia tươi (không hoạt động tại trụ sở)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  
Chi tiết: đại lý bán vé máy bay
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  
Chi tiết: nhà hàng; kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu  
Chi tiết: cắt uốn tóc, hớt tóc (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán hàng mỹ nghệ; mua bán các loại hoa, lá, cây cảnh.
- Điều hành tua du lịch  
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành khách quốc tế và nội địa.
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)  
Chi tiết: đại lý đổi ngoại tệ.
- Vận tải hành khách đường bộ khác  
Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch.
- Hoạt động thể thao khác  
Chi tiết: các dịch vụ thể thao gồm du lịch săn bắn thú, chần thả.
- Hoạt động tư vấn quản lý  
Chi tiết: tư vấn quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)  
Chi tiết: Massage sauna (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán rượu các loại.

00  
CỔ  
PH  
TỔ  
HỘ  
HƯ  
L  
/ 01



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Ông Trần Thành A

Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Hoàng Trang

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Bích Thu

Phó Tổng Giám đốc

### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

### Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Bùi Việt Dũng

Chủ tịch HĐQT

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty.

#### 5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

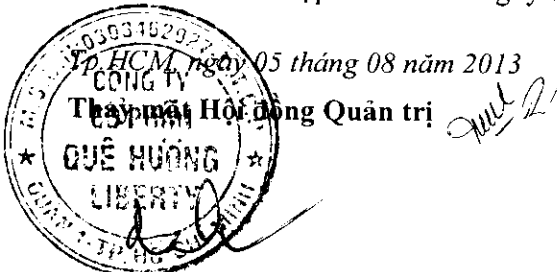
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

#### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Bùi Việt Dũng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 07.13.370-SXHN/AISC-DN1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
 CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/06/2013  
 CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**

**Kính gửi :**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
 Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, được lập ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Kiểm toán viên**

**Huỳnh Thị Thu Thủy**  
 GCNĐKHN Số : 0978-2013-05-01  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

*Tp.HCM, ngày 05 tháng 08 năm 2013*



**Tổng Giám Đốc**

**Nguyễn Văn Vinh**  
 GCNĐKHN Số : 0112-2013-05-01  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

11/11/2013 10:10:10

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>784.697.100.057</b>	<b>585.128.407.293</b>
	(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>119.337.519.685</b>	<b>262.013.530.591</b>
	1. Tiền	111		37.384.819.685	15.373.605.591
	2. Các khoản tương đương tiền	112		81.952.700.000	246.639.925.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>83.232.131.000</b>	<b>34.185.985.000</b>
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		83.232.131.000	34.185.985.000
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>491.701.326.566</b>	<b>192.298.585.619</b>
	1. Phải thu của khách hàng	131		33.050.643.334	30.038.711.657
	2. Trả trước cho người bán	132		416.394.479.845	120.957.700.790
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135		42.256.203.387	41.302.173.172
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>50.539.804.585</b>	<b>50.504.788.738</b>
	1. Hàng tồn kho	141		50.539.804.585	50.504.788.738
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>39.886.318.221</b>	<b>46.125.517.345</b>
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.830.968.403	16.075.571.856
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.052.291.179	27.360.286.977
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.003.058.639	2.689.658.512
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.371.073.783.450</b>	<b>1.975.324.531.389</b>
	(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.573.569.440</b>	<b>10.608.569.440</b>
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
	2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
	4. Phải thu dài hạn khác	218	<b>V.6</b>	10.573.569.440	10.608.569.440
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

H/17/ 30/06/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.541.620.546.001</b>	<b>1.460.873.552.501</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	796.450.877.286	197.434.820.127
- Nguyên giá	222		876.453.028.745	268.781.928.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.002.151.459)	(71.347.108.082)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	99.476.847.724	100.058.960.459
- Nguyên giá	228		102.209.193.861	102.141.707.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.732.346.137)	(2.082.746.936)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	645.692.820.991	1.163.379.771.915
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>459.029.830.616</b>	<b>148.665.764.838</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.989.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		118.070.153.629	38.303.764.838
3. Đầu tư dài hạn khác	258		340.959.676.987	108.373.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.11</b>	<b>354.485.527.580</b>	<b>349.530.002.703</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		354.485.527.580	349.530.002.703
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>5.364.309.813</b>	<b>5.646.641.907</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270</b>		<b>3.155.770.883.507</b>	<b>2.560.452.938.682</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.625.306.945.641</b>	<b>1.030.755.684.412</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.12</b>	<b>477.313.393.211</b>	<b>286.800.060.091</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		378.987.000.000	173.800.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		13.993.337.336	30.414.102.049
3. Người mua trả tiền trước	313		19.640.237.290	16.983.285.935
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		10.559.917.054	19.736.699.056
5. Phải trả người lao động	315		29.241.306.733	26.803.972.107
6. Chi phí phải trả	316		10.435.438.532	3.782.870.869
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.957.197.718	5.435.170.450
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.498.958.548	9.843.959.625
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.147.993.552.430</b>	<b>743.955.624.321</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	529.915.000.000	336.415.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	616.590.067.962	406.399.797.087
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		957.364.621	957.364.621
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		531.119.847	183.462.613
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>1.525.218.983.752</b>	<b>1.526.442.859.956</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>1.525.218.983.752</b>	<b>1.526.442.859.956</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		649.000.000.000	649.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		819.869.738.365	819.869.738.365
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.970.000)	(1.970.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.175.065.480	19.175.065.480
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.435.001.988	20.421.915.013
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.741.147.919	17.978.111.098
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>5.244.954.114</b>	<b>3.254.394.314</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.155.770.883.507</b>	<b>2.560.452.938.682</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- EUR		140,00	900,00
- GBP		250,00	-
- USD		37.231,71	78.029,76
- JPY		20.000,00	10.000,00
- THB		13.000,00	-
- AUD		25,00	1.110,00
- CAD		240,00	-
- SGD		158,00	511,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người Lập



Huỳnh Trung Tấn

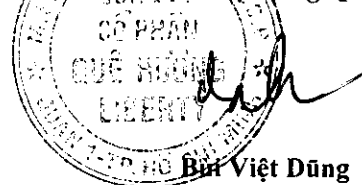
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Tp HCM ngày 15 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	478.946.653.630	133.469.442.985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		256.458.909	333.918.306
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		478.690.194.721	133.135.524.679
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	399.457.913.009	80.597.953.488
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>79.232.281.712</b>	<b>52.537.571.191</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	10.490.727.021	31.633.833.425
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	32.896.168.806	1.476.789.376
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.882.569.996	1.390.232.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.637.710.104	20.031.739.821
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	<b>30</b>		<b>37.189.129.823</b>	<b>62.662.875.419</b>
11. Thu nhập khác	31		647.466.755	246.096.590
12. Chi phí khác	32		14.794.934	23.261.988
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>632.671.821</b>	<b>222.834.602</b>
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		985.708.791	279.952.251
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40 + 45)	<b>50</b>		<b>37.821.801.644</b>	<b>62.885.710.021</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	10.168.458.849	16.661.000.390
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 + 45 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>28.639.051.585</b>	<b>46.504.661.882</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(20.440.201)	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		28.659.491.787	46.504.661.882
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.21	<b>437</b>	<b>714</b>

Tp.HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Người Lập

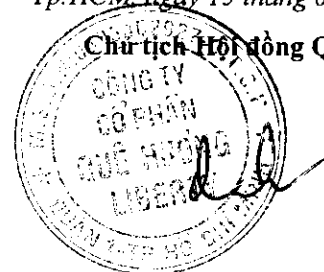


Huỳnh Trung Tấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trâm



Bùi Việt Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

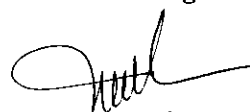
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	299.494.055.386	155.703.289.468
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(301.286.852.680)	(108.917.434.272)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.166.655.989)	(41.731.791.427)
Tiền chi trả lãi vay	04	(34.845.845.440)	(19.584.680.272)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(21.294.633.398)	(12.509.340.892)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	401.676.111.165	244.836.332.091
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(45.223.840.574)	(102.205.857.142)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>242.352.338.470</b>	<b>115.590.517.554</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(526.454.714.350)	(360.423.857.044)
Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	122.340.478	92.928.000
Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ	23	(51.500.000.000)	(265.253.018.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	4.550.000.000	73.429.005.000
Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(194.793.378.800)	(13.376.908.000)
Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	2.700.000.000
Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	8.850.606.373	30.385.601.603
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(756.225.146.299)</b>	<b>(532.446.248.441)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	970.642.853.070	377.100.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(571.526.182.195)	(358.500.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.959.121.000)	(65.084.290.048)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>371.157.549.875</b>	<b>(46.484.290.048)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(142.715.257.954)</b>	<b>(463.340.020.935)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	262.013.530.591	658.392.234.860
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>39.247.048</b>	<b>(50.546.445)</b>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	119.337.519.685	195.001.667.480

Người Lập



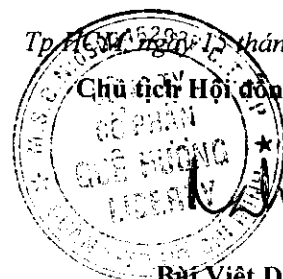
Huỳnh Trung Tấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Tp. HCM, ngày 12 tháng 07 năm 2013



Bứ Việt Dũng

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty mẹ**

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Khách sạn, nhà hàng, dịch vụ, kinh doanh bất động sản

**2. Đặc điểm hoạt động của Công ty con**

**Tổng số các công ty con:** 04 đơn vị

**Số lượng các công ty con được hợp nhất:** 04 công ty

**Công ty TNHH Quản Lý Khách Sạn Liberty**

Địa chỉ: 63 - 65 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: tư vấn quản lý khách sạn, nhà hàng và dịch vụ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng

**Công ty Cổ phần Dịch vụ EZY**

Địa chỉ: 135 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 51%

Ngành nghề kinh doanh: vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và dịch vụ vệ sinh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3.900.000.000 đồng

Công ty Cổ phần Dịch vụ EZY có niên độ kế toán đầu tiên từ ngày 09/10/2012 đến 31/12/2013, do đó Báo cáo tài chính của Công ty EZY sẽ được hợp nhất vào năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái biển Bình Châu**

Địa chỉ: Ấp khu 1, Xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 60%

Ngành nghề kinh doanh: nhà hàng, khách sạn và dịch vụ vui chơi giải trí.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 12.000.000.000 đồng

**Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương**

Địa chỉ: 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 67,5%

Ngành nghề kinh doanh: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, kinh doanh khách sạn; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; tư vấn quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn; đại lý bán vé máy bay; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; bán buôn hàng mỹ nghệ, bán buôn các loại hoa, lá, cây cảnh; dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ; bán buôn rượu các loại; bán buôn thuốc lá điếu sản xuất trong nước; vận chuyển khách du lịch; xây dựng nhà các loại.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.200.000.000.000 đồng

**3. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo Tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

**Công ty Cổ phần Khatoco - Liberty**

Địa chỉ: Số 9 Biệt Thự, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tỷ lệ phần sở hữu: 36%

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh dịch vụ khách sạn; lữ hành trong nước và quốc tế; vận tải hành khách đường bộ; bán hàng lưu niệm; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ du lịch lặn biển; dịch vụ ăn uống giải khát; mua bán rượu bia và thuốc lá...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 đồng

### **Công ty TNHH Tư Vấn & Quản Lý Khách Sạn Chuẩn mực**

Địa chỉ: 11-13 Công trường Lam Sơn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 30%

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ ăn uống giải khát; lập trình máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Môi giới mua, bán các loại hàng hóa; Cho thuê xe chở khách có người lái để vận hành tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh...

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.000.000.000 đồng

### **Công ty Cổ phần TM DV Sài Gòn Bông Sen**

Địa chỉ: 11-13 Công trường Lam Sơn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 20%

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cho thuê nhà; dịch vụ giải trí, trò chơi điện tử; dịch vụ thương mại; đại lý ký gởi hàng hóa; sản xuất và mua bán bia tươi; dịch vụ tổ chức tiệc cưới và hội nghị; tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp...

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng

### **Công ty Cổ phần Du Lịch Khánh Tâm**

Địa chỉ: 22A-B Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tỷ lệ phần sở hữu: 26%

Ngành nghề kinh doanh: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; dịch vụ phục vụ đồ uống; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự; hoạt động vui chơi giải trí khác...

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 86.000.000.000 đồng

#### **4. Công ty liên kết không được phản ánh trong Báo cáo Tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

##### **Công ty Cổ phần Caric**

Địa chỉ: 16 Đào Trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 39,26%

Ngành nghề kinh doanh: đóng tàu và cấu kiện nổi; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; hoàn thiện công trình xây dựng; kinh doanh khách sạn; sản xuất ca cao, sôcôla, mứt kẹo; sản xuất các loại bánh từ bột; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; đại lý du lịch; xây lắp công nghiệp, xây dựng công nghiệp, dân dụng và cơ sở hạ tầng; kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản; mua bán máy móc, thiết bị và vật tư các loại ngành cơ khí-xây dựng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 145.600.000.000 đồng

Công ty Cổ phần Caric được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Caric và có niên độ kế toán từ ngày 17/05/2013 đến 31/12/2013, do đó Báo cáo tài chính của Công ty Caric sẽ được hợp nhất vào cuối năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Dịch vụ EZY bắt đầu từ ngày 09/10/2012 và kết thúc ngày 31/12/2013.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 " Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở và nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đó.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

**2. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty và các công ty con đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho kỳ hiện hành.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

*Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.



### 6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Phần mềm máy vi tính	03 năm

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản vốn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

#### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí khai trương, chi phí trước thành lập, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Giá trị còn lại của các công trình xây dựng được đập đi để xây mới được phân bổ trong vòng 10 năm. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

**11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại nếu có phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại nếu có được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế.

Lợi thế thương mại (nếu có) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng cho kỳ kế toán hiện hành là 25%.

## 17. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Đông Á công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2013: 21.130 VND/USD.

Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trọng yếu ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của kỳ hiện hành.

## 18. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

#### Nợ phải trả tài chính

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

13 | 2013 | 12

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay, nợ phải trả tài chính khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty CP Quê Hương Liberty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty CP Quê hương Liberty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2013	01/01/2013
<b>Tiền</b>	<b>37.384.819.685</b>	<b>15.373.605.591</b>
Tiền mặt	5.364.400.070	1.435.249.710
<i>Tiền mặt VNĐ</i>	<i>5.291.339.000</i>	<i>1.317.786.500</i>
<i>Tiền mặt ngoại tệ</i>	<i>73.061.070</i>	<i>117.463.210</i>
Tiền gửi ngân hàng	31.848.354.151	13.484.987.834
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	<i>31.101.795.119</i>	<i>11.918.100.450</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ</i>	<i>746.559.032</i>	<i>1.566.887.384</i>
Tiền đang chuyển	172.065.464	453.368.047
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>81.952.700.000</b>	<b>246.639.925.000</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)</i>	<i>81.952.700.000</i>	<i>246.639.925.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>119.337.519.685</b>	<b>262.013.530.591</b>

(\*) Trong đó các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 giá trị là 68.000.000.000 VNĐ.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2013	01/01/2013
Đầu tư ngắn hạn khác	83.232.131.000	34.185.985.000
<i>Cho vay cá nhân</i>	<i>9.946.146.000</i>	<i>6.900.000.000</i>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho vay tổ chức kinh tế	73.285.985.000	27.285.985.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>83.232.131.000</b>	<b>34.185.985.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>3.1 Phải thu khách hàng</b>		
Phải thu khách hàng hoạt động chính	33.050.643.334	30.038.711.657
Phải thu khách hàng hoạt động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.050.643.334</b>	<b>30.038.711.657</b>
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>		
Khách hàng trong nước	416.394.479.845	120.957.700.790
Khách hàng nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>416.394.479.845</b>	<b>120.957.700.790</b>
<b>3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ban bồi thường GPMB Quận 1	-	1.223.524.800
Lê Hoàng Nhân	2.000.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	5.282.792	53.746.172
Phải thu bên liên doanh Công trình Pullman	37.848.928.813	37.848.928.813
Phải thu lãi hợp đồng tín dụng	1.209.490.269	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	129.166.667	-
Phải thu thẻ Novotel	835.269.632	-
Phải thu khác	228.065.214	2.175.973.387
<b>Cộng</b>	<b>42.256.203.387</b>	<b>41.302.173.172</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>491.701.326.566</b>	<b>192.298.585.619</b>
<b>Dự phòng phải thu khó đòi (-)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>491.701.326.566</b>	<b>192.298.585.619</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.183.566.742	1.167.187.977
Hàng hoá	2.028.789.497	2.010.152.415
Hàng hoá bất động sản	47.327.448.346	47.327.448.346
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>50.539.804.585</b>	<b>50.504.788.738</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>50.539.804.585</b>	<b>50.504.788.738</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 1.512.338.700 VNĐ
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VNĐ
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí khai trương Khách sạn Pullman	7.071.407.244	1.728.194.506
Chi phí công cụ dụng cụ	3.210.252.822	12.255.074.489
Chi phí khởi công Dự án 17 Tôn Đức Thắng	-	170.311.441
Chi phí sửa chữa nhỏ	273.791.343	309.232.703
Chi phí chờ phân bổ của Khách sạn Novotel	551.705.663	340.001.404
Chi phí marketing	882.523.228	383.236.246
Chi phí khởi công Dự án 59-61 Pasteur	185.375.185	-
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	472.598.153	-
Chi phí khác	1.183.314.765	889.521.067
<b>Cộng</b>	<b>13.830.968.403</b>	<b>16.075.571.856</b>
<b>5.2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ	71.343.245	3.573.190.014
Thuế giá trị gia tăng của TSCĐ	10.980.947.934	23.787.096.963
<b>Cộng</b>	<b>11.052.291.179</b>	<b>27.360.286.977</b>
<b>5.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tạm ứng cho nhân viên	14.913.838.639	2.601.338.512
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	89.220.000	88.320.000
<b>Cộng</b>	<b>15.003.058.639</b>	<b>2.689.658.512</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.886.318.221</b>	<b>46.125.517.345</b>
<b>6. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Ký quỹ Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	-	200.000.000
Ký quỹ thuê kho Long An	34.849.440	34.849.440
Ký quỹ thuê nhà 63-65 Hàm Nghi	304.500.000	304.500.000
Ký quỹ thuê tầng hầm 49 Pasteur	45.000.000	45.000.000
Ký quỹ thuê nhà 85 Đồng Khởi	65.000.000	-
Ký quỹ thuê nhà 28 Lê Lợi	100.000.000	-
Ký quỹ Công ty TNHH Một Thành viên CARIC	10.000.000.000	10.000.000.000
Đối tượng khác	24.220.000	24.220.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.573.569.440</b>	<b>10.608.569.440</b>

7. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh tại trang 34

8. Tài sản cố định vô hình

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tài sản vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	98.420.351.196	3.662.796.199	58.560.000	<b>102.141.707.395</b>
Mua trong kỳ	-	268.873.429	-	<b>268.873.429</b>
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<i>Giảm theo thông tư 45</i>	-	201.386.963	-	<b>201.386.963</b>
Số dư cuối kỳ	98.420.351.196	3.730.282.665	58.560.000	<b>102.209.193.861</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	1.546.614.848	477.572.088	58.560.000	<b>2.082.746.936</b>
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	144.995.142	586.760.694	-	<b>731.755.836</b>
<i>Giảm theo thông tư 45</i>	-	82.156.635	-	<b>82.156.635</b>
Số dư cuối kỳ	1.691.609.990	982.176.147	58.560.000	<b>2.732.346.137</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	96.873.736.348	3.185.224.111	-	<b>100.058.960.459</b>
Số dư cuối kỳ	96.728.741.206	2.748.106.518	-	<b>99.476.847.724</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 57.284.137.762 VNĐ

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2013	01/01/2013
Mua sắm tài sản cố định	39.424.064.515	51.776.135
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	606.268.756.476	1.163.327.995.780
<i>Công trình xây mới Khách sạn Liberty Central</i>	4.865.260.835	4.407.217.199
<i>Dự án Khách Sạn Pullman Saigon Centre</i>	403.791.868.450	303.420.904.504
<i>Dự án Khách Sạn Novotel Saigon Centre</i>	21.749.732.523	608.993.122.894
<i>Cài tạo nâng cấp Nhà hàng Á Đông</i>	81.818.182	27.272.727
<i>Thi công gia cố Khách sạn Quê Hương 4</i>	81.818.182	-
<i>Dự án 59-61 Pasteur</i>	55.241.898.624	-
<i>Dự án Liberty Central Riverside</i>	79.910.335.511	85.419.222.905
<i>Dự án Nhà hàng tiệc cưới 216 Lý Chính Thắng</i>	32.671.637.234	153.207.154.167
<i>Dự án Khu du lịch Sinh thái Biển Bình Châu</i>	7.865.101.384	-
<i>Công trình khác</i>	9.285.551	7.853.101.384
<b>Cộng</b>	<b>645.692.820.991</b>	<b>1.163.379.771.915</b>

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		-		<b>1.989.000.000</b>
Công ty CP Dịch vụ EZY	-	-	198.900	1.989.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>118.070.153.629</b>		<b>38.303.764.838</b>
Công ty CP TM-DV Sài Gòn Bông Sen	20.000	14.199.418.978	20.000	13.330.214.841
Công ty CP Khatoco - Liberty (1)	3.872.000	39.962.944.073	2.160.000	24.742.230.392
Công ty TNHH QL & TV KS Chuẩn Mộc		-		231.319.605



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty CP Caric (2)	5.716.000	57.160.000.000		-
Công ty CP Du Lịch Khánh Tâm (3)	669.000	6.747.790.578		-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>340.959.676.987</b>		<b>108.373.000.000</b>
Dự Án Phường Bình Trưng Tây-Quận 2		106.000.000.000		106.000.000.000
Công ty CP Cảnh Quan Xanh	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Trung tâm tiệc cưới Metropole (4)		131.010.328.456		-
Khách sạn Liberty Central Riverside (5)		101.576.348.531		-
Công ty CP Giặt Ủi Việt	137.300	1.373.000.000	137.300	1.373.000.000
<b>Cộng</b>		<b>459.029.830.616</b>		<b>148.665.764.838</b>

(1) Mua cổ phần phát hành thêm do Công ty CP Khatoco Liberty tăng vốn điều lệ, mua thêm cổ phiếu theo Công văn số 27-KL ngày 20/05/2013 để tăng tỷ lệ vốn góp lên 38,72%.

(2) Mua cổ phần của Công ty CP Caric theo hợp đồng mua bán cổ phần số 20/HĐ-CR ngày 30/01/2013, số lượng cổ phần mua là 5.716.000 cổ phần, tổng giá trị cổ phần mua là 57.160.000.000 VNĐ, chiếm tỷ lệ 39,26% vốn điều lệ của Công ty CP Caric.

(3) Góp vốn tỷ lệ 26% thành lập Công ty CP Du Lịch Khánh Tâm.

(4) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xây dựng Tư vấn Sài Gòn bằng giá trị công trình xây dựng tại 216 Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Tp.HCM.

(5) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Caric bằng giá trị công trình xây dựng tại 17 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

11. Tài sản dài hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí di dời mặt bằng 85 Đồng Khởi Q.1	8.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí trước thành lập TT HN & TC Metropole	3.896.011.832	4.006.740.098
Chi phí sửa chữa nhỏ	517.116.059	1.388.662.722
Chi phí công cụ dụng cụ	14.089.695.283	15.566.009.740
Chi phí của Khách sạn Novotel	228.519.883.736	233.514.383.738
Chi phí của Khách sạn Pullman	31.166.292.715	31.166.292.715
Chi phí của Khách sạn Liberty Central	47.426.146.947	49.442.146.947
Chi phí trước thành lập Khách sạn Novotel	5.896.634.470	7.471.048.727
Chi phí trước thành lập Khách sạn Pullman	746.064.000	-
Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá	10.800.974.190	-
Chi phí khác	3.426.708.348	3.974.718.016
<b>Cộng</b>	<b>354.485.527.580</b>	<b>349.530.002.703</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2013	01/01/2013
<b>12.1 Vay và nợ ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn VNĐ	378.987.000.000	173.800.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN</i>	-	34.900.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN</i>	-	30.000.000.000
<i>Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn (1)</i>	200.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	-	40.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (2)</i>	47.700.000.000	18.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông (3)</i>	20.000.000.000	29.000.000.000
<i>Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long</i>	-	21.900.000.000
<i>Vay các cá nhân khác (4)</i>	111.287.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>378.987.000.000</b>	<b>173.800.000.000</b>

(1) Vay Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 844/TCT-HĐ ngày 19/05/2013, số tiền cho vay là 100.000.000.000 VNĐ, lãi suất cho vay là 7%/năm, ngày đáo hạn hợp đồng là 19/11/2013; Mục đích vay: Đầu tư Khách sạn Liberty Central Riverside 17 Tôn Đức Thắng. Tài sản đảm bảo: vay tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng số 195/TCT-HĐ ngày 08/09/2012, số tiền cho vay là 100.000.000.000 VNĐ, lãi suất cho vay là 7%/năm, ngày đáo hạn hợp đồng là 08/09/2013; Mục đích vay: Đầu tư Trung tâm Tiệc cưới và hội nghị Metropole. Tài sản đảm bảo: vay tín chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303876 ngày 07/06/2013, số tiền cho vay là 48.000.000.000 VNĐ, lãi suất cho vay là 10,9%/năm, ngày đáo hạn hợp đồng là 07/12/2013; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1851/2013/EIBSGD1-DVKHDN ngày 29/05/2013 với giá trị 48.000.000.000 VNĐ có kỳ hạn 1 tháng.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Giấy nhận nợ vay kèm hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố và khế ước nhận nợ số 0245/2013/HĐTD-DN ngày 21/06/2013, số tiền cho vay là 20.000.000.000 VNĐ, lãi suất cho vay là 10,9%/năm, ngày đáo hạn hợp đồng là 01/07/2013; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0100600036353001 ngày 31/05/2013 với giá trị 20.000.000.000 VNĐ có kỳ hạn 1 tháng.

(4) Vay các cá nhân theo lãi suất cho vay là 10,6%/năm, thời hạn vay từ 3 đến 9 tháng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

12.2 Phải trả người bán	30/06/2013	01/01/2013
Nhà cung cấp trong nước	13.993.337.336	30.414.102.049
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.993.337.336</b>	<b>30.414.102.049</b>

12.3 Người mua trả tiền trước	30/06/2013	01/01/2013
Khách hàng trong nước	19.640.237.290	16.983.285.935
Khách hàng nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.640.237.290</b>	<b>16.983.285.935</b>

12.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	31.026.071	259.492.388
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.636.781	50.609.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.414.319.923	15.540.494.472

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.365.999.838	3.066.675.850
Thuế thu nhập cá nhân	2.557.178.080	794.358.628
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	153.756.361	25.068.655
<b>Cộng</b>	<b>10.559.917.054</b>	<b>19.736.699.056</b>
<b>12.5 Phải trả người lao động</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tiền lương công nhân viên	29.241.306.733	26.803.972.107
<b>Cộng</b>	<b>29.241.306.733</b>	<b>26.803.972.107</b>
<b>12.6 Chi phí phải trả</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Chi phí lãi vay	2.672.455.555	136.875.000
Chi phí điện, nước	534.911.511	-
Chi phí trang phục	201.436.528	-
Phí quản lý trước và sau GOP	1.629.403.769	-
Chi phí hoa hồng	500.474.826	326.403.670
Chi phí quản lý Accor - Novotel	1.709.099.782	2.125.091.763
Chi phí đặt phòng Novotel	2.073.332.129	1.194.500.436
Chi phí khác	1.114.324.432	-
<b>Cộng</b>	<b>10.435.438.532</b>	<b>3.782.870.869</b>
<b>12.7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Kinh phí công đoàn	1.412.053.476	1.573.404.001
Bảo hiểm xã hội	273.721.054	18.415.602
Bảo hiểm y tế	27.768.600	11.176.322
Bảo hiểm thất nghiệp	12.314.200	2.079.538
Công ty TNHH GO2	1.664.636.600	2.252.155.400
Phải trả đối tượng cho vay tín dụng	-	422.258.900
Ông Vũ Hoàng Minh	1.340.177.962	-
Khoản phải trả khác	1.226.525.826	1.155.680.687
<b>Cộng</b>	<b>5.957.197.718</b>	<b>5.435.170.450</b>
<b>12.8 Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Quỹ khen thưởng	3.068.112.752	3.480.430.572
Quỹ phúc lợi	5.417.619.006	5.221.757.336
Quỹ thưởng BQL điều hành công ty	13.226.790	1.141.771.717
<b>Cộng</b>	<b>8.498.958.548</b>	<b>9.843.959.625</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>477.313.393.211</b>	<b>286.800.060.091</b>
<b>13. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ TP.HCM (1)	135.000.000.000	135.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ TP.HCM (2)	36.000.000.000	25.000.000.000
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV (3)	354.000.000.000	171.500.000.000
Ông Đỗ Văn Chương	4.915.000.000	4.915.000.000
<b>Cộng</b>	<b>529.915.000.000</b>	<b>336.415.000.000</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.